

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1929* /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 08 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến  
trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của  
UBND tỉnh và Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1279/TTr-SXD ngày 15/8/2025 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 18 (mười tám) quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Trên cơ sở các dịch vụ công (DVC) trực tuyến đã được phê duyệt, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

1. Phối hợp tổ chức xây dựng, chạy thử nghiệm, hoàn thiện các DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến và tích hợp lên Cổng DVC Quốc gia; thông báo việc áp dụng chính thức DVC trực tuyến **trong thời hạn 15 ngày làm việc** kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

*Uuu*

*pho*

2. Đăng tải số điện thoại và hộp thư điện tử của đơn vị đầu mối thuộc Sở Xây dựng kèm theo DVC trực tuyến được cung cấp để tổ chức, cá nhân liên hệ khi cần được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Sở Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm lập Danh sách đăng ký tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức được phân công thực hiện các bước xử lý công việc quy định tại quy trình thực hiện DVC trực tuyến ban hành kèm theo Quyết định này, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để thiết lập cấu hình điện tử; đồng thời tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính (TTHC) bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định.

4. Đối với các quy trình điện tử giải quyết TTHC/DVC trực tuyến bị thay thế/bãi bỏ tại Quyết định này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi việc thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC/DVC trực tuyến và thông báo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện theo yêu cầu sau:

a) Khóa chức năng tiếp nhận hồ sơ của các quy trình điện tử giải quyết TTHC/DVC trực tuyến bị thay thế/ bãi bỏ chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo vận hành chính thức quy trình mới.

b) Hủy bỏ quy trình điện tử giải quyết TTHC/DVC trực tuyến bị thay thế chậm nhất sau thời gian bằng thời hạn giải quyết các hồ sơ chuyển tiếp của các quy trình điện tử này. Trường hợp quá thời hạn giải quyết mà vẫn còn tồn đọng hồ sơ chuyển tiếp, thì kết thúc quy trình điện tử giải quyết các hồ sơ này; đồng thời có thông báo danh sách các hồ sơ này cho đơn vị giải quyết hồ sơ trước khi hủy bỏ quy trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Cục Kiểm soát TTHC-VPCP
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
  - UBND các xã, phường, đặc khu;
  - VP UBND tỉnh: LĐVP, Phòng CTXD, Bộ phận 1 cửa tại TTPVHCC;
  - Lưu: VT, TDNV, HCC<sup>th</sup>.
- } (để biết)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Phong Phú**



**Phụ lục**

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Kèm theo Quyết định số 1919 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Phần I**

**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

TT	Tên dịch vụ công	Số quy trình	Mức độ dịch vụ công	Mã số TTHC trên Cổng DVC quốc gia	Trang
<b>I</b>	<b>Quy trình DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Xây dựng</b>				
1	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	01.QLVT-SXD	DVCTT một phần	1.013260.H50	3
2	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	02.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.013259.H50	8
3	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	03.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.013261.H50	15
<b>II</b>	<b>Quy trình DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng</b>				
4	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	04.QLVT-SXD	DVCTT một phần	1.001765.H50	20
5	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	05.QLVT-SXD	DVCTT một phần	1.001777.H50	24
6	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	06.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.002847.H50	31
7	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	07.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.000321.H50	37
8	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	08.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.010702.H50	44

*Handwritten signature*

9	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	09.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.010704.H50	48
10	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	10.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.002829.H50	52
11	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	11.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.002817.H50	56
12	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	12.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.000302.H50	60
13	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	13.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.013105.H50	66
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	14a.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.013110.H50	76
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy <i>(Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy)</i>	14b.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.013110.H50	80
16	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	15.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.001322.H50	87
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	16a.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.001296.H50	97
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới <i>(Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới)</i>	16b.QLVT-SXD	DVCTT toàn trình	1.001296.H50	102